

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 150/2020/DS - PT

Ngày: 04 – 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2020/QĐ-PT ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thái T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Đường Nguyễn Gia T, khối 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn 02, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Thái T, bị đơn ông Nguyễn Văn H.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Trần Thái T trình bày như sau:**

Ông Trần Thái T và ông Nguyễn Văn H cùng là Thành viên của Hợp tác xã nguyên liệu K. Do có quen biết nhau nên năm 2006 ông T cho ông Nguyễn Văn H vay với tổng cộng số tiền là 336.000.000 đồng (*Ba trăm, ba mươi sáu triệu đồng*) và 01 cây vàng 97%, qua các lần cụ thể như sau:

- Ngày 10/01/2006 vay số tiền là 9.000.000 đồng;

- Ngày 12/01/2006 vay số tiền là 7.000.000 đồng;
- Ngày 14/02/2006 vay số tiền là 5.000.000 đồng;
- Ngày 15/02/2006 vay hai lần tổng số tiền là 35.000.000 đồng;
- Ngày 20/02/2006 vay hai lần tổng số tiền là 60.000.000 đồng;
- Ngày 10/3/2006 cho vay 01 cây vàng 97%;
- Ngày 21/3/2006 vay số tiền là 10.000.000 đồng;
- Ngày 31/3/2006 vay số tiền là 10.000.000 đồng;
- Ngày 26/8/2006 vay số tiền là 200.000.000 đồng;

Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận bằng miệng là khi nào ông T yêu cầu trả thì ông H trả lại tiền gốc và 01 cây vàng cho ông T kèm theo tiền lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Mục đích vay tiền ông H nói là để ông H đầu tư kinh doanh hợp tác xã. Khi vay ông H không thể chấp hay cầm cố cho ông T tài sản gì để làm tin. Tất cả những giấy tờ vay tiền đều ký bên nhận tiền là ông H. Cho đến nay ông H vẫn chưa trả được cho ông T khoản tiền nào kể cả gốc và lãi, mặc dù ông T đã thực hiện việc đòi nhiều lần. Ông T xác định các khoản vay trên là giữa cá nhân ông T với ông H, không liên quan đến Hợp tác xã, ông H vay tiền dùng vào mục đích gì và đưa cho ai thì ông T không liên quan. Đối với số tiền 200.000.000 đồng trong giấy vay có chữ ký, chữ viết tên của ông H và đóng dấu hợp tác xã là khi vay ông H làm chủ nhiệm hợp tác xã nên ông H đóng dấu để ông T tin tưởng và an tâm cho vay.

Nay ông T yêu cầu ông H trả lại số tiền nợ gốc tổng cộng đã vay là 336.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và 01 cây vàng 97% và lãi suất theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Năm 2005 ông Nguyễn Văn H là Chủ nhiệm Hợp tác xã nguyên liệu K, năm 2006 ông T tham gia Hợp tác xã và là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã.

Ông H xác định vào năm 2006 ông H có ký và viết vào các giấy vay tiền, giấy nhận tiền vay của ông Trần Thái T mà hiện nay ông T làm chứng cứ để khởi kiện ông là đúng, tất cả đều là chữ viết và chữ ký của ông H, nhưng mục đích ông H viết và ký giấy vay tiền là để vợ ông T tin tưởng và đưa tiền cho ông T để ông T giao lại cho ông H làm vốn cùng kinh doanh Hợp tác xã với nhau.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 26/8/2006, mà ông T giao cho ông H là tiền ông T đã lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H để thế chấp cho bà L, vay tiền giúp cho ông H. Do ông T viết giấy vay tiền với bà L (địa chỉ số Nguyễn Hồng A, thành phố B) nên khi đưa tiền cho ông H thì ông T yêu cầu ông H viết giấy vay ông T 200.000.000 đồng. Sau đó, ông H đã trả được cho bà L số tiền 200.000.000 đồng và lấy 05 giấy chứng nhận này về. Thời điểm trả tiền cho bà L, ông H tìm ông T để hủy giấy vay giữa ông T và ông H nhưng không gặp được nên chưa hủy được giấy vay này. Nên đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng, ông H đã thanh toán xong, không còn nợ ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền tổng cộng 336.000.000 đồng và 01 cây vàng 97% thì ông H không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 218, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 159, 427, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái T. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Trần Thái T số tiền tổng cộng 336.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và 01 cây vàng 97%, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 13/6/2020 ông Trần Thái T kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần lãi suất.

- Ngày 11/6/2020 ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 11/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H trả cho nguyên đơn ông Trần Thái T số tiền 260.000.000 đồng và 01 cây vàng 97%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần quyết định kháng nghị.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thái T; chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn H; chấp nhận việc thay đổi quyết định kháng nghị và chấp nhận quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/06/2020 của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin. Huỷ bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định nguyên đơn, bị đơn đều là người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin kháng nghị trong thời hạn luật định nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin thì thấy:

Xét các giấy ghi ngày 10/8/2006; 14/02/2006; 12/01/2006 bị đơn ông H chỉ ghi nội dung nhận tiền của ông T; Đối với giấy ghi ngày 15/02/2006, 21/3/2006, 31/3/2006 ông T thừa nhận toàn bộ nội dung “Cho H vay”; “15/02 trả tiền dự án 10.000.000đ Cường”; “Đưa tiền cho H 25.000.000 đồng chạy vay”; “21/3 Đưa tiền cho anh P lo ký UB tỉnh 10.000.000đ”; “31/3/2006” là do nguyên đơn ông T Viết ra; còn nội dung chữ “chi 10.000.000 đồng cho Bình cục KLT” và số tiền viết bằng chữ là do ông Nguyễn Văn H viết và ký xác nhận phía dưới. Ông H cho rằng thời điểm các bên đối chiếu khoản tiền không có chữ “cho H vay” mà ông T viết thêm vào sau đó. Ngoài ra sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn cung cấp thêm các tài liệu liên quan đến Hợp tác xã, biên bản họp họp tác xã, điều lệ Hợp tác xã nguyên liệu K... đây là các tài liệu, chứng cứ mới để xem xét, xác định các khoản tiền mà bị đơn nhận của nguyên đơn nêu trên là khoản vay hay nhận góp vốn vào hợp tác xã, mà cấp sơ thẩm chưa xem xét đến.

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 26/8/2006 ông H cho rằng: số tiền ông T giao cho ông H là tiền mà ông T đã lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H thế chấp cho bà L để vay tiền giúp ông H. Do ông T viết giấy vay tiền với bà L nên khi giao tiền cho ông H thì ông T yêu cầu ông H viết giấy vay ông T 200.000.000 đồng. Sau đó, ông H đã trả được cho bà L số tiền 200.000.000 đồng và lấy 05 giấy chứng nhận này về. Thời điểm trả tiền cho bà L, ông H tìm ông T để hủy giấy vay giữa ông T và ông H nhưng không gặp được ông T, nay ông T khởi kiện yêu cầu trả khoản tiền này thì ông H không đồng ý vì ông H đã trả hết số tiền này cho bà L thay ông T. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa bà L vào tham gia tố tụng để làm rõ khoản vay là thiếu sót.

Xét các giấy vay tiền, giấy mượn tiền, giấy nhận tiền của nguyên đơn khởi kiện đều không thể hiện thời hạn trả nợ, nên thời hạn trả nợ được tính từ ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản là không chính xác. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi suất 1,5%/tháng theo thỏa thuận, tuy nhiên cấp sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu lãi suất của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Từ những nhận định nêu trên, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông T, ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thái T; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/06/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin và việc thay đổi một phần nội dung kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thái T, ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
-
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn